



LỊCH THI HỌC KỲ HK II (2022-2023)
BẠC ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG CHÍNH QUY

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
1	20ĐHQTVT1	010100078801	29		An toàn hàng không	2	03/04/2023	7:30	G501	Tự luận
2	20ĐHQTVT2	010100078802	42		An toàn hàng không	2	03/04/2023	7:30	G203	Tự luận
3	21ĐHKL01	010800063501	48		Bản đồ hàng không	2	03/04/2023	7:30	G207	Tự luận
4	18ĐHKT01	010800071401	16		Khí động học nâng cao	2	03/04/2023	7:30	G608	Tự luận
5	20ĐHQTVT3	010100078803	56		An toàn hàng không	2	03/04/2023	9:30	G406	Tự luận
6	20ĐHQTVT4	010100078804	36		An toàn hàng không	2	03/04/2023	9:30	G203	Tự luận
7	20ĐHQTC2	010100078806	52		An toàn hàng không	2	03/04/2023	9:30	G305	Tự luận
8	20ĐHQTVT2	010100023902	52		Quản trị doanh thu VTHK	2	03/04/2023	12:30	G305	Tự luận
9	20ĐHQTVT3	010100023903	54		Quản trị doanh thu VTHK	2	03/04/2023	12:30	G205	Tự luận
10	20ĐHQTVT4	010100023904	44		Quản trị doanh thu VTHK	2	03/04/2023	12:30	G113	Tự luận
11	20ĐHQTTTH	010100030201	39		Kinh tế quốc tế	2	03/04/2023	14:30	G203	Tự luận
12	21CĐCK01	030100069801	44		Tính năng tàu bay	2	03/04/2023	14:30	G113	Trắc nghiệm
13	21CĐCK01	030100060401	32		An toàn sân đỗ	3	04/04/2023	7:30	G308	Tự luận
14	20ĐHQTTTH	010100074901	40		Kế toán quản trị	3	04/04/2023	7:30	G203	Tự luận
15	20ĐHQTVT1	010100023901	58		Quản trị doanh thu VTHK	3	04/04/2023	7:30	G305	Tự luận
16	19ĐHQTDL	010100036501	18		Tiếng Anh chuyên ngành I - QTDL	3	04/04/2023	7:30	G302	Tự luận
17	19ĐHKT01	010800054201	38		Các hệ thống trên tàu bay 2	3	04/04/2023	9:30	G203	Trắc nghiệm
18	19ĐHKT01	010800069701	38		Hệ thống quản lý an toàn (SMS)	3	04/04/2023	12:30	G113	Tự luận
19	17ĐHQTVT1	010100049301	12		Anh văn chuyên ngành III	4	05/04/2023	7:30	G201	Tự luận
20	20ĐHQTVT3	010100060103	20		Pháp luật hàng không	4	05/04/2023	7:30	G202	Trắc nghiệm
21	20ĐHQTTTH	010100017201	39		Quản trị bán hàng	4	05/04/2023	7:30	G204	Tự luận
22	19ĐHKT01	010800073901	39		Thiết bị đồng hồ và hệ thống dẫn đường bay	4	05/04/2023	7:30	G203	Trắc nghiệm
23	20ĐHKL01	010800084001	49		Hệ thống dẫn đường vệ tinh toàn cầu	4	05/04/2023	9:30	G113	Tự luận
24	20ĐHQTDL	010100022401	52		Kinh tế du lịch	4	05/04/2023	9:30	G406	Trắc nghiệm
25	19ĐHĐT01	011100036802	72	1-36	Kỹ thuật siêu cao tần	4	05/04/2023	9:30	G204	Tự luận
26	19ĐHĐT01	011100036802	72	37-71	Kỹ thuật siêu cao tần	4	05/04/2023	9:30	G207	Tự luận
27	20ĐHKT01	010800001301	73		Pháp luật hàng không	4	05/04/2023	9:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
28	20ĐHQTC2	010100060101	99	1-50	Pháp luật hàng không	4	05/04/2023	12:30	G305	Trắc nghiệm
29	20ĐHQTC2	010100060101	99	51-98	Pháp luật hàng không	4	05/04/2023	12:30	G205	Trắc nghiệm
30	19ĐHĐT01	011100015401	69		Thông tin quang	4	05/04/2023	12:30	G406	Tự luận
31	21ĐHNA01	010100121501	21		Biên dịch	5	06/04/2023	7:30	G301	Tự luận
32	21ĐHNA02	010100121502	40		Biên dịch	5	06/04/2023	7:30	G406	Tự luận
33	21ĐHNA01	010100121503	40		Biên dịch	5	06/04/2023	7:30	G304	Tự luận
34	20ĐHQTDL	010100022201	51		Pháp luật du lịch	5	06/04/2023	7:30	G205	Trắc nghiệm
35	20ĐHQTDL	010100022601	49		Quản trị khu vui chơi nghỉ dưỡng	5	06/04/2023	9:30	G203	Tự luận
36	19ĐHĐT01	011100073001	66		Hệ thống thông tin hàng không	5	06/04/2023	14:30	G305	Trắc nghiệm
37	20ĐHQTTTH	010100050001	40		Tổ chức hệ thống thông tin doanh nghiệp	5	06/04/2023	14:30	G204	Tự luận
38	22ĐHKL01	011100106112	28		Tiếng Anh 1	5	06/04/2023	18:30	G201	Trắc nghiệm
39	21ĐHKT01	010800064101	53		Kỹ thuật nhiệt	6	07/04/2023	7:30	G305	Tự luận
40	20ĐHQTVT1	010100046201	55		Kinh tế vận tải hàng không	6	07/04/2023	9:30	G205	Tự luận

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
41	20ĐHQTVT2	010100046202	43		Kinh tế vận tải hàng không	6	07/04/2023	9:30	G207	Tự luận
42	21ĐHKT01	010800111901	21		Tiếng Anh 3	6	07/04/2023	9:30	G504	Trắc nghiệm
43	20ĐHQTVT3	010100046204	53		Kinh tế vận tải hàng không	6	07/04/2023	12:30	G305	Tự luận
44	21ĐHKT01	010800111902	42		Tiếng Anh 3	6	07/04/2023	12:30	G113	Trắc nghiệm
45	19ĐHĐT02	011100014501	69		Điện tử thông tin	6	07/04/2023	14:30	G305	Tự luận
46	20ĐHQTC1	010100060102	112		Pháp luật hàng không	6	07/04/2023	14:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
47	20ĐHQTVT1	010100060106	77		Pháp luật hàng không	6	07/04/2023	14:30	G205	Trắc nghiệm
48	20ĐHQTVT4	010100046203	56		Kinh tế vận tải hàng không	6	07/04/2023	16:30	G205	Tự luận
49	19ĐHQT02	010100000401	88	1-44	Tin học đại cương	7	08/04/2023	7:30	G305	Trắc nghiệm
50	19ĐHQT02	010100000401	88	45-88	Tin học đại cương	7	08/04/2023	7:30	G205	Trắc nghiệm
51	20ĐHQTVT3	010100000402	25		Tin học đại cương	7	08/04/2023	14:30	G201	Trắc nghiệm
52	21ĐHTĐ02	011100010102	57		Điện tử số	2	10/04/2023	7:30	G207	Tự luận
53	20ĐHĐT01	011100015602	76	1-38	Hệ thống viễn thông	2	10/04/2023	7:30	G303	Trắc nghiệm
54	20ĐHĐT01	011100015602	76	39-73	Hệ thống viễn thông	2	10/04/2023	7:30	G304	Trắc nghiệm
55	20ĐHKT01	010800053201	77	1-38	Khí động học	2	10/04/2023	7:30	G203	Tự luận
56	20ĐHKT01	010800053201	77	39-76	Khí động học	2	10/04/2023	7:30	G204	Tự luận
57	21ĐHKT01	010800053202	49		Khí động học	2	10/04/2023	7:30	Hội trường F100	Tự luận
58	21ĐHQT07	010100010902	57		Kinh tế lượng	2	10/04/2023	7:30	G305	Tự luận
59	21ĐHTT01	010100084701	33		Lý thuyết đồ thị	2	10/04/2023	7:30	G609	Trắc nghiệm
60	21ĐHTT02	010100084702	67		Lý thuyết đồ thị	2	10/04/2023	7:30	G406	Trắc nghiệm
61	20ĐHQTDL	010100021401	50		Quản trị marketing du lịch	2	10/04/2023	7:30	G407	Tự luận
62	20ĐHQTVT3	010100013007	40		Tiếng Anh chuyên ngành II - QTHK	2	10/04/2023	7:30	G608	Trắc nghiệm
63	21ĐHTĐ01	011100014602	48		Điện tử công suất	2	10/04/2023	9:30	G207	Trắc nghiệm
64	21ĐHĐT01	011100014604	47		Điện tử công suất	2	10/04/2023	9:30	G303	Trắc nghiệm
65	21ĐHQT01	010100010908	60		Kinh tế lượng	2	10/04/2023	9:30	G305	Tự luận
66	20ĐHĐT01	011100015701	77	39-75	Kỹ thuật truyền số liệu và mạng máy tính	2	10/04/2023	9:30	G203	Trắc nghiệm
67	20ĐHĐT01	011100015701	77	1-38	Kỹ thuật truyền số liệu và mạng máy tính	2	10/04/2023	9:30	G204	Trắc nghiệm
68	20ĐHKT01	010800066501	72		Cánh quạt tàu bay	2	10/04/2023	12:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
69	20ĐHKL01	010800067501	49		Dịch vụ kiểm soát tiếp cận	2	10/04/2023	12:30	G113	Trắc nghiệm
70	20ĐHQTDL	010100036601	30		Tiếng Anh chuyên ngành 2 - QTDL	2	10/04/2023	12:30	G301	Trắc nghiệm
71	21CĐTM01	030100031004	24		Tiếng Anh chuyên ngành 2 - PVHH	2	10/04/2023	12:30	G302	Trắc nghiệm
72	20ĐHQTVT4	010100013008	40		Tiếng Anh chuyên ngành II - QTHK	2	10/04/2023	12:30	G406	Trắc nghiệm
73	20ĐHQTVT1	010100013005	41		Tiếng Anh chuyên ngành II - QTHK	2	10/04/2023	12:30	G207	Trắc nghiệm
74	20ĐHQTVT2	010100013006	41		Tiếng Anh chuyên ngành II - QTHK	2	10/04/2023	12:30	G204	Trắc nghiệm
75	20ĐHQTTH	010100013015	40		Tiếng Anh chuyên ngành II - QTHK	2	10/04/2023	12:30	G205	Trắc nghiệm
76	21CĐKL01	030100067501	39		Dịch vụ kiểm soát tiếp cận	2	10/04/2023	12:30	G203	Trắc nghiệm
77	21ĐHTĐ02	011100014601	43		Điện tử công suất	2	10/04/2023	14:30	G207	Trắc nghiệm
78	21ĐHĐT02	011100014603	32		Điện tử công suất	2	10/04/2023	14:30	G508	Trắc nghiệm
79	20ĐHKT01	010800069401	75	1-38	Tiếng Anh chuyên ngành 2 - KTHK	2	10/04/2023	14:30	G203	Trắc nghiệm
80	20ĐHKT01	010800069401	75	39-73	Tiếng Anh chuyên ngành 2 - KTHK	2	10/04/2023	14:30	G204	Trắc nghiệm
81	20ĐHQTDL	010100036602	22		Tiếng Anh chuyên ngành 2 - QTDL	2	10/04/2023	14:30	G302	Trắc nghiệm
82	20ĐHQTVT3	010100013013	41		Tiếng Anh chuyên ngành II - QTHK	2	10/04/2023	14:30	G407	Trắc nghiệm
83	20ĐHQTTH	010100013014	39		Tiếng Anh chuyên ngành II - QTHK	2	10/04/2023	14:30	G305	Trắc nghiệm
84	20ĐHQTC2	010100013001	38		Tiếng Anh chuyên ngành II - QTHK	2	10/04/2023	14:30	G406	Trắc nghiệm
85	20ĐHKL01	010800003901	51		Yếu tố con người trong quản lý hoạt động bay	2	10/04/2023	14:30	G113	Tự luận
86	19ĐHKL01	010800006501	41		Quản lý hoạt động bay	2	10/04/2023	16:30	G303	Trắc nghiệm
87	20CĐKL01	030100006501	41		Quản lý hoạt động bay	2	10/04/2023	16:30	G203	Trắc nghiệm
88	21ĐHQT01	010100111913	41		Tiếng Anh 3	2	10/04/2023	16:30	G113	Trắc nghiệm
89	19ĐHKL01	010800081801	40		Thiết kế phương thức bay	3	11/04/2023	7:30	G207	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
90	21CĐKL01	030100008103	35		An toàn hàng không	3	11/04/2023	7:30	G608	Tự luận
91	20ĐHQTDL	010100080701	51	1-26	Địa lý du lịch	3	11/04/2023	7:30	G301	Tự luận
92	20ĐHQTDL	010100080701	51	27-51	Địa lý du lịch	3	11/04/2023	7:30	G302	Tự luận
93	21ĐHTĐ01	011100010101	29		Điện tử số	3	11/04/2023	7:30	G408	Tự luận
94	21ĐHQT02	010100011002	48		Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	11/04/2023	7:30	G407	Trắc nghiệm
95	21ĐHQT03	010100011003	60		Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	11/04/2023	7:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
96	21ĐHQT04	010100011004	52		Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	11/04/2023	7:30	G406	Trắc nghiệm
97	20ĐHQTVT3	010100011706	55		Phân tích hoạt động kinh doanh	3	11/04/2023	7:30	G305	Tự luận
98	20ĐHQTC2	010100011701	74	1-37	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	11/04/2023	7:30	G501	Tự luận
99	20ĐHQTC2	010100011701	74	38-74	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	11/04/2023	7:30	G308	Tự luận
100	21ĐHTT01	010100008902	40		Tiếng Anh 4	3	11/04/2023	7:30	G508	Trắc nghiệm
101	22CĐTM01	030100008102	98	45-88	An toàn hàng không	3	11/04/2023	9:30	G407	Tự luận
102	22CĐTM01	030100008102	98	1-44	An toàn hàng không	3	11/04/2023	9:30	G603	Tự luận
103	20ĐHKL01	010800083901	49	26-49	An toàn hàng không	3	11/04/2023	9:30	G308	Tự luận
104	20ĐHKL01	010800083901	49	1-25	An toàn hàng không	3	11/04/2023	9:30	G501	Tự luận
105	21CĐTM01	030100052201	32		Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp	3	11/04/2023	9:30	G508	Tự luận
106	21CĐTM02	030100052202	49		Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp	3	11/04/2023	9:30	Hội trường F100	Tự luận
107	21CĐCK01	030100066501	31		Cánh quạt tàu bay	3	11/04/2023	9:30	G408	Trắc nghiệm
108	21ĐHQT05	010100011005	53		Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	11/04/2023	9:30	G302	Trắc nghiệm
109	21ĐHQT06	010100011006	57		Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	11/04/2023	9:30	G406	Trắc nghiệm
110	21ĐHQT07	010100011007	60	1-28	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	11/04/2023	9:30	G604	Trắc nghiệm
111	21ĐHQT08	010100011008	30		Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	11/04/2023	9:30	G503	Trắc nghiệm
112	21ĐHQT01	010100011001	61	1-30	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	11/04/2023	9:30	G207	Trắc nghiệm
113	21ĐHQT01	010100011001	61	31-61	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	11/04/2023	9:30	G303	Trắc nghiệm
114	21ĐHQT07	010100011007	60	29-57	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	11/04/2023	9:30	G605	Trắc nghiệm
115	20ĐHQTVT1	010100011708	55	28-54	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	11/04/2023	9:30	G505	Tự luận
116	20ĐHQTC1	010100011702	62	31-60	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	11/04/2023	9:30	G601	Tự luận
117	20ĐHQTC1	010100011702	62	1-30	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	11/04/2023	9:30	G608	Tự luận
118	20ĐHQTVT1	010100011708	55	1-27	Phân tích hoạt động kinh doanh	3	11/04/2023	9:30	G301	Tự luận
119	21CĐTM03	030100052203	46		Cân bằng trọng tải và hướng dẫn chất xếp	3	11/04/2023	12:30	G407	Tự luận
120	21ĐHKT01	010800014801	52		Cơ sở điều khiển tự động	3	11/04/2023	12:30	G207	Tự luận
121	20ĐHQTTT	010100011709	55		Phân tích hoạt động kinh doanh	3	11/04/2023	12:30	G305	Tự luận
122	20ĐHQTVT2	010100011707	56		Phân tích hoạt động kinh doanh	3	11/04/2023	12:30	G205	Tự luận
123	20ĐHQTVT4	010100011705	55		Phân tích hoạt động kinh doanh	3	11/04/2023	12:30	G406	Tự luận
124	21ĐHNA01	010100024401	35		Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	11/04/2023	14:30	G204	Trắc nghiệm
125	20ĐHQTC1	010100013003	40		Tiếng Anh chuyên ngành II - QTHK	3	11/04/2023	14:30	G113	Trắc nghiệm
126	19ĐHKT01	010800062101	40		Động cơ tua bin khí 2	3	11/04/2023	14:30	G205	Tự luận
127	21ĐHNA01	010100093701	40		Dẫn luận ngôn ngữ học	4	12/04/2023	7:30	G608	Trắc nghiệm
128	21ĐHNA02	010100093702	60		Dẫn luận ngôn ngữ học	4	12/04/2023	7:30	G406	Trắc nghiệm
129	21ĐHKL01	010800023601	49		Dịch vụ không lưu	4	12/04/2023	7:30	G207	Trắc nghiệm
130	21CĐKL01	030100004301	37		Dịch vụ kiểm soát tại sân	4	12/04/2023	7:30	G408	Trắc nghiệm
131	21ĐHĐT01	011100064002	29		Kỹ thuật điện	4	12/04/2023	7:30	G505	Trắc nghiệm
132	21ĐHTT02	010100084901	44	23-43	Mạng máy tính	4	12/04/2023	7:30	G201	Trắc nghiệm
133	21ĐHTT02	010100084901	44	1-22	Mạng máy tính	4	12/04/2023	7:30	G301	Trắc nghiệm
134	21ĐHTT01	010100084902	51		Mạng máy tính	4	12/04/2023	7:30	G204	Trắc nghiệm
135	21ĐHQT05	010100046004	36		Quản trị chất lượng	4	12/04/2023	7:30	G508	Trắc nghiệm
136	21ĐHQT04	010100046005	58		Quản trị chất lượng	4	12/04/2023	7:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
137	21ĐHQT01	010100046008	57		Quản trị chất lượng	4	12/04/2023	7:30	G113	Trắc nghiệm
138	20ĐHĐT02	011100027702	42		Tiếng Anh chuyên ngành ĐT-VT	4	12/04/2023	7:30	G407	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
139	19ĐHKL01	010800029301	40		Thiết kế và tổ chức vùng trời	4	12/04/2023	9:30	G204	Trắc nghiệm
140	20CĐAN01	030100003601	19		Dịch vụ không lưu	4	12/04/2023	9:30	G201	Trắc nghiệm
141	21ĐHĐT02	011100064001	62		Kỹ thuật điện	4	12/04/2023	9:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
142	21ĐHQT08	010100046001	50		Quản trị chất lượng	4	12/04/2023	9:30	G113	Trắc nghiệm
143	21ĐHQT07	010100046002	59		Quản trị chất lượng	4	12/04/2023	9:30	G406	Trắc nghiệm
144	21ĐHQT06	010100046003	48		Quản trị chất lượng	4	12/04/2023	9:30	G407	Trắc nghiệm
145	20ĐHQTVT4	010100018801	57	1-28	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	4	12/04/2023	9:30	G501	Tự luận
146	20ĐHQTVT3	010100018802	55		Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	4	12/04/2023	9:30	G207	Tự luận
147	20ĐHQTVT4	010100018801	57	29-57	Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	4	12/04/2023	9:30	G502	Tự luận
148	21ĐHTT02	010100008903	43		Tiếng Anh 4	4	12/04/2023	9:30	G304	Trắc nghiệm
149	20ĐHĐT02	011100027703	42		Tiếng Anh chuyên ngành ĐT-VT	4	12/04/2023	9:30	G508	Trắc nghiệm
150	21CĐAN01	030100026301	45		Bảo vệ tàu bay	4	12/04/2023	12:30	G204	Tự luận
151	21CĐKL01	030100031601	38		Dịch vụ thông báo tin tức hàng không	4	12/04/2023	12:30	G407	Tự luận
152	21ĐHĐT01	011100009501	39		Kỹ thuật lập trình	4	12/04/2023	12:30	G304	Trắc nghiệm
153	21ĐHĐT02	011100009502	57		Kỹ thuật lập trình	4	12/04/2023	12:30	G207	Trắc nghiệm
154	21ĐHNA01	010100092501	20	1-10	Nghe - Nói 4	4	12/04/2023	12:30	G202	Vấn đáp
155	21ĐHNA01	010100092501	20	11-20	Nghe - Nói 4	4	12/04/2023	12:30	G608	Vấn đáp
156	21ĐHQT03	010100046006	57		Quản trị chất lượng	4	12/04/2023	12:30	G406	Trắc nghiệm
157	21ĐHQT02	010100046007	58		Quản trị chất lượng	4	12/04/2023	12:30	G205	Trắc nghiệm
158	20ĐHQTVT2	010100018803	37		Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	4	12/04/2023	12:30	G303	Tự luận
159	20ĐHQTVT1	010100018804	55		Quy tắc quốc tế về vận chuyển HK	4	12/04/2023	12:30	G203	Tự luận
160	21ĐHKL01	010800004001	48		Dịch vụ thông báo tin tức Hàng không	4	12/04/2023	14:30	G204	Tự luận
161	20ĐHQTTT	010100018901	42		Quản trị sản xuất và điều hành	4	12/04/2023	14:30	G203	Tự luận
162	21CĐAN01	030100024901	26		Tiếng Anh chuyên ngành- ANHK	4	12/04/2023	14:30	G304	Trắc nghiệm
163	21CĐAN01	030100024902	22		Tiếng Anh chuyên ngành- ANHK	4	12/04/2023	14:30	G202	Trắc nghiệm
164	19ĐHKT01	010800074001	39		Thực hành bảo dưỡng tàu bay 2	4	12/04/2023	14:30	G205	Trắc nghiệm
165	21ĐHQT03	010100001606	146		Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	12/04/2023	16:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
166	21CĐAN01	030100026201	46	1-23	Tuần tra và canh gác	4	12/04/2023	16:30	G203	Thực hành
167	21CĐAN01	030100026201	46	24-46	Tuần tra và canh gác	4	12/04/2023	18:30	G203	Thực hành
168	21ĐHNA02	010100093001	28		Đọc - Viết 4	5	13/04/2023	7:30	G301	Tự luận
169	21ĐHNA02	010100093003	40		Đọc - Viết 4	5	13/04/2023	7:30	G406	Tự luận
170	21CĐCK01	030100053701	27		Động cơ turbine khí	5	13/04/2023	7:30	G201	Trắc nghiệm
171	21CĐTM03	030100069001	48		Hành lý bất thường	5	13/04/2023	7:30	G207	Tự luận
172	21CĐTM02	030100069002	48		Hành lý bất thường	5	13/04/2023	7:30	G303	Tự luận
173	21CĐTM01	030100069003	34		Hành lý bất thường	5	13/04/2023	7:30	G407	Tự luận
174	21CĐAN01	030100136901	43	1-21	Kiểm tra bằng cổng từ và thiết bị phát hiện kim loại cầm tay	5	13/04/2023	7:30	D03	Thực hành
175	21CĐAN01	030100136901	43	22-43	Kiểm tra bằng cổng từ và thiết bị phát hiện kim loại cầm tay	5	13/04/2023	9:30	D03	Thực hành
176	21ĐHQT08	010100010901	56		Kinh tế lượng	5	13/04/2023	7:30	G205	Tự luận
177	21ĐHQT06	010100010903	57		Kinh tế lượng	5	13/04/2023	7:30	G305	Tự luận
178	21ĐHTT02	010100085002	62	31-60	Phân tích và thiết kế thuật giải	5	13/04/2023	7:30	G601	Trắc nghiệm
179	21ĐHTT01	010100085001	37		Phân tích và thiết kế thuật giải	5	13/04/2023	7:30	G608	Trắc nghiệm
180	21ĐHTT02	010100085002	62	1-30	Phân tích và thiết kế thuật giải	5	13/04/2023	7:30	G504	Trắc nghiệm
181	20ĐHQTVT4	010100025702	38		Cơ sở hạ tầng Cảng HK	5	13/04/2023	9:30	G608	Trắc nghiệm
182	21ĐHTT02	010100039501	43		Hệ điều hành	5	13/04/2023	9:30	G303	Trắc nghiệm
183	21ĐHTT01	010100039502	60		Hệ điều hành	5	13/04/2023	9:30	G205	Trắc nghiệm
184	21CĐCK01	030100068301	30		Hệ thống điện tàu bay	5	13/04/2023	9:30	G201	Trắc nghiệm
185	21ĐHNA02	010100092202	27		Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	5	13/04/2023	9:30	G301	Tự luận

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
186	21CĐTM02	030100069101	40		Phục vụ hành khách trong trường hợp đặc biệt	5	13/04/2023	9:30	G407	Trắc nghiệm
187	21CĐTM03	030100069102	50		Phục vụ hành khách trong trường hợp đặc biệt	5	13/04/2023	9:30	G203	Trắc nghiệm
188	21CĐTM01	030100069103	34		Phục vụ hành khách trong trường hợp đặc biệt	5	13/04/2023	9:30	G408	Trắc nghiệm
189	21ĐHQT01	010100008201	23		Quản trị nhân lực	5	13/04/2023	9:30	G507	Tự luận
190	21ĐHQT02	010100008202	60		Quản trị nhân lực	5	13/04/2023	9:30	Hội trường F100	Tự luận
191	21ĐHQT03	010100008203	57		Quản trị nhân lực	5	13/04/2023	9:30	G305	Tự luận
192	21ĐHQT04	010100008204	57		Quản trị nhân lực	5	13/04/2023	9:30	G406	Tự luận
193	20ĐHQTVT2	010100025703	57	1-29	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	5	13/04/2023	12:30	G301	Trắc nghiệm
194	20ĐHQTVT1	010100025704	47	24-46	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	5	13/04/2023	12:30	G601	Trắc nghiệm
195	20ĐHQTVT3	010100025701	38		Cơ sở hạ tầng Cảng HK	5	13/04/2023	12:30	G608	Trắc nghiệm
196	20ĐHQTVT1	010100025704	47	1-23	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	5	13/04/2023	12:30	G504	Trắc nghiệm
197	20ĐHQTVT2	010100025703	57	30-57	Cơ sở hạ tầng Cảng HK	5	13/04/2023	12:30	G302	Trắc nghiệm
198	21CĐĐV01	030100015601	13		Hệ thống viễn thông	5	13/04/2023	12:30	G502	Trắc nghiệm
199	21CĐAN01	030100026401	45	1-21	Hệ tổng và áp tải	5	13/04/2023	12:30	G308	Thực hành
200	21CĐAN01	030100026401	45	22-43	Hệ tổng và áp tải	5	13/04/2023	14:30	G207	Thực hành
201	21ĐHKL01	010800002901	50		Khí tượng hàng không	5	13/04/2023	12:30	G508	Tự luận
202	21ĐHNA01	010100052402	147	1-72	Lịch sử Đảng	5	13/04/2023	12:30	G204	Trắc nghiệm
203	21ĐHTĐ01	011100052403	108	1-54	Lịch sử Đảng	5	13/04/2023	12:30	G406	Trắc nghiệm
204	21ĐHTĐ01	011100052403	108	55-107	Lịch sử Đảng	5	13/04/2023	12:30	G305	Trắc nghiệm
205	21ĐHNA01	010100052402	147	73-143	Lịch sử Đảng	5	13/04/2023	12:30	G203	Trắc nghiệm
206	21ĐHQT05	010100008205	60	1-30	Quản trị nhân lực	5	13/04/2023	12:30	G207	Tự luận
207	21ĐHQT06	010100008206	57		Quản trị nhân lực	5	13/04/2023	12:30	G303	Tự luận
208	21ĐHQT07	010100008207	54	1-26	Quản trị nhân lực	5	13/04/2023	12:30	G503	Tự luận
209	21ĐHQT08	010100008208	57	1-28	Quản trị nhân lực	5	13/04/2023	12:30	G603	Tự luận
210	21ĐHQT05	010100008205	60	31-60	Quản trị nhân lực	5	13/04/2023	12:30	G304	Tự luận
211	21ĐHQT07	010100008207	54	27-53	Quản trị nhân lực	5	13/04/2023	12:30	G507	Tự luận
212	21ĐHQT08	010100008208	57	29-57	Quản trị nhân lực	5	13/04/2023	12:30	G604	Tự luận
213	21CĐCK01	030100066701	30		Hệ thống cơ khí tàu bay 1	5	13/04/2023	14:30	G204	Trắc nghiệm
214	21ĐHNA02	010100092203	16		Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 3	5	13/04/2023	14:30	G601	Tự luận
215	21ĐHQT02	010100046107	60		Thanh toán quốc tế	5	13/04/2023	14:30	G305	Trắc nghiệm
216	21ĐHQT01	010100046108	61	1-29	Thanh toán quốc tế	5	13/04/2023	14:30	G301	Trắc nghiệm
217	21ĐHQT01	010100046108	61	30-59	Thanh toán quốc tế	5	13/04/2023	14:30	G302	Trắc nghiệm
218	19ĐHQTC2	010100029601	46		Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	5	13/04/2023	14:30	G203	Tự luận
219	19ĐHQTC1	010100029602	51		Tối ưu hóa khai thác và lập kế hoạch	5	13/04/2023	14:30	G406	Tự luận
220	20ĐHĐT01	011100052401	64		Lịch sử Đảng	5	13/04/2023	16:30	G205	Trắc nghiệm
221	21ĐHQT04	010100111917	44		Tiếng Anh 3	5	13/04/2023	16:30	G113	Trắc nghiệm
222	21ĐHQT04	010100111918	40		Tiếng Anh 3	5	13/04/2023	16:30	G204	Trắc nghiệm
223	21CĐAN01	030100100401	45	1-23	Kiểm tra, lục soát an ninh nhà ga, tàu bay, phương tiện, người và đồ vật không xác nhận được chủ	5	13/04/2023	16:30	G203	Thực hành
224	21CĐAN01	030100100401	45	24-45	Kiểm tra, lục soát an ninh nhà ga, tàu bay, phương tiện, người và đồ vật không xác nhận được chủ	5	13/04/2023	18:30	G203	Thực hành
225	20ĐHQTC1	010100017801	63		Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	6	14/04/2023	7:30	G406	Tự luận
226	20ĐHQTC2	010100017802	65		Các hoạt động khai thác tại Cảng HK	6	14/04/2023	7:30	Hội trường F100	Tự luận
227	21ĐHQT03	010100010906	56		Kinh tế lượng	6	14/04/2023	7:30	G305	Tự luận
228	21ĐHQT02	010100010907	58		Kinh tế lượng	6	14/04/2023	7:30	G205	Tự luận
229	21CĐĐV01	030100136501	12		Kỹ thuật truyền số liệu và mạng	6	14/04/2023	7:30	G307	Tự luận
230	21CĐTM02	030100031005	35		Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PVHH	6	14/04/2023	7:30	G304	Trắc nghiệm
231	21ĐHQT05	010100010904	60		Kinh tế lượng	6	14/04/2023	9:30	G205	Tự luận
232	21ĐHQT04	010100010905	52		Kinh tế lượng	6	14/04/2023	9:30	G305	Tự luận

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
233	21ĐHĐT01	011100024401	129		Chủ nghĩa xã hội khoa học	6	14/04/2023	12:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
234	21ĐHQT06	010100046103	79	40-78	Thanh toán quốc tế	6	14/04/2023	12:30	G113	Trắc nghiệm
235	21ĐHQT06	010100046103	79	1-39	Thanh toán quốc tế	6	14/04/2023	12:30	G204	Trắc nghiệm
236	21CĐTM03	030100031006	37		Tiếng Anh chuyên ngành 2 -PVHH	6	14/04/2023	12:30	G207	Trắc nghiệm
237	21ĐHQT04	010100046105	93	1-46	Thanh toán quốc tế	6	14/04/2023	14:30	G305	Trắc nghiệm
238	21ĐHQT03	010100046106	62	1-31	Thanh toán quốc tế	6	14/04/2023	14:30	G204	Trắc nghiệm
239	21ĐHQT08	010100046101	58		Thanh toán quốc tế	6	14/04/2023	14:30	G406	Trắc nghiệm
240	21ĐHQT04	010100046105	93	47-93	Thanh toán quốc tế	6	14/04/2023	14:30	G205	Trắc nghiệm
241	21ĐHQT03	010100046106	62	32-61	Thanh toán quốc tế	6	14/04/2023	14:30	G304	Trắc nghiệm
242	21ĐHNA01	010100093002	31		Độc - Viết 4	6	14/04/2023	16:30	G608	Tự luận
243	21ĐHQT08	010100111909	40		Tiếng Anh 3	6	14/04/2023	16:30	G203	Trắc nghiệm
244	21ĐHQT08	010100111912	41		Tiếng Anh 3	6	14/04/2023	16:30	G113	Trắc nghiệm
245	21ĐHTĐ01	011100111904	40		Tiếng Anh 3	7	15/04/2023	7:30	G113	Trắc nghiệm
246	21ĐHTĐ02	011100111905	39		Tiếng Anh 3	7	15/04/2023	7:30	G204	Trắc nghiệm
247	21ĐHTĐ02	011100111906	38		Tiếng Anh 3	7	15/04/2023	7:30	G203	Trắc nghiệm
248	21ĐHQT06	010100111920	40		Tiếng Anh 3	7	15/04/2023	9:30	G304	Trắc nghiệm
249	21ĐHQT07	010100111921	43		Tiếng Anh 3	7	15/04/2023	9:30	G113	Trắc nghiệm
250	21ĐHNA02	010100092502	41	11-20	Nghe - Nói 4	7	15/04/2023	12:30	G609	Vấn đáp
251	21ĐHNA02	010100092502	41	21-30	Nghe - Nói 4	7	15/04/2023	12:30	G304	Vấn đáp
252	21ĐHNA02	010100092502	41	31-41	Nghe - Nói 4	7	15/04/2023	12:30	G303	Vấn đáp
253	21ĐHNA02	010100092502	41	1-10	Nghe - Nói 4	7	15/04/2023	12:30	G608	Vấn đáp
254	21ĐHQT01	010100001607	182		Tư tưởng Hồ Chí Minh	7	15/04/2023	12:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
255	21ĐHTT01	010100001609	150		Tư tưởng Hồ Chí Minh	7	15/04/2023	14:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
256	21ĐHQT06	010100001603	65		Tư tưởng Hồ Chí Minh	7	15/04/2023	14:30	G205	Trắc nghiệm
257	21ĐHNA01	010100092503	37	1-10	Nghe - Nói 4	7	15/04/2023	16:30	G203	Vấn đáp
258	21ĐHNA01	010100092503	37	11-20	Nghe - Nói 4	7	15/04/2023	16:30	G113	Vấn đáp
259	21ĐHNA01	010100092503	37	21-30	Nghe - Nói 4	7	15/04/2023	16:30	G608	Vấn đáp
260	21ĐHNA01	010100092503	37	30-37	Nghe - Nói 4	7	15/04/2023	16:30	G609	Vấn đáp
261	21ĐHKL01	010800001601	81		Tư tưởng Hồ Chí Minh	8	16/04/2023	9:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
262	22ĐHNA03	010100092801	34		Độc - Viết 2	2	24/04/2023	7:30	G304	Tự luận
263	22ĐHNA02	010100092803	41		Độc - Viết 2	2	24/04/2023	7:30	G203	Tự luận
264	22ĐHNA02	010100092804	40		Độc - Viết 2	2	24/04/2023	7:30	G303	Tự luận
265	22ĐHKL01	011100005601	60		Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát	2	24/04/2023	7:30	G305	Trắc nghiệm
266	22ĐHTĐ01	011100009302	53		Lý thuyết mạch 2	2	24/04/2023	7:30	G205	Tự luận
267	22ĐHQT07	010100010707	52		Nguyên lý kế toán	2	24/04/2023	7:30	G204	Trắc nghiệm
268	22ĐHTT01	010100106111	32		Tiếng Anh 1	2	24/04/2023	7:30	G608	Trắc nghiệm
269	22ĐHKV02	010100000101	28		Tổng quan về Hàng không dân dụng	2	24/04/2023	7:30	D02	Trắc nghiệm online
270	22ĐHKL02	011100005602	57		Hệ thống liên lạc, dẫn đường, giám sát	2	24/04/2023	7:30	G407	Trắc nghiệm
271	22ĐHKV03	010100017703	60		Lý thuyết xác suất - thống kê	2	24/04/2023	9:30	G305	Trắc nghiệm
272	22ĐHTĐ01	011100009601	55		Mạch điện từ 1	2	24/04/2023	9:30	G205	Tự luận
273	22ĐHNA03	010100092301	35	11-20	Nghe - Nói 2	2	24/04/2023	9:30	G204	Vấn đáp
274	22ĐHNA03	010100092301	35	21-30	Nghe - Nói 2	2	24/04/2023	9:30	G203	Vấn đáp
275	22ĐHNA03	010100092301	35	31-36	Nghe - Nói 2	2	24/04/2023	9:30	G608	Vấn đáp
276	22ĐHNA03	010100092301	35	1-10	Nghe - Nói 2	2	24/04/2023	9:30	G609	Vấn đáp
277	22ĐHTT02	010100106112	33		Tiếng Anh 1	2	24/04/2023	9:30	G303	Trắc nghiệm
278	22ĐHQT02	010100106120	29		Tiếng Anh 1	2	24/04/2023	9:30	G301	Trắc nghiệm
279	22ĐHXD01	011100115101	25		Địa chất công trình	2	24/04/2023	12:30	G202	Trắc nghiệm
280	22ĐHTT06	010100051004	60	30-58	Kiến trúc máy tính	2	24/04/2023	12:30	G201	Trắc nghiệm
281	22ĐHTT05	010100051005	60	30-58	Kiến trúc máy tính	2	24/04/2023	12:30	G307	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
282	22ĐHTT01	010100051001	41		Kiến trúc máy tính	2	24/04/2023	12:30	G304	Trắc nghiệm
283	22ĐHTT02	010100051002	60		Kiến trúc máy tính	2	24/04/2023	12:30	G205	Trắc nghiệm
284	22ĐHTT06	010100051004	60	1-29	Kiến trúc máy tính	2	24/04/2023	12:30	G302	Trắc nghiệm
285	22ĐHTT05	010100051005	60	1-29	Kiến trúc máy tính	2	24/04/2023	12:30	G301	Trắc nghiệm
286	22ĐHĐT01	011100009603	55		Mạch điện tử 1	2	24/04/2023	12:30	G305	Tự luận
287	22ĐHĐT02	011100009604	55		Mạch điện tử 1	2	24/04/2023	12:30	G406	Tự luận
288	22CĐTM02	030100001304	44		Pháp luật hàng không	2	24/04/2023	12:30	G303	Trắc nghiệm
289	22CĐTM01	030100064401	51		Vệ hành khách và hành lý	2	24/04/2023	12:30	G113	Tự luận
290	22ĐHĐT02	011100019901	44		Đo lường điện tử	2	24/04/2023	14:30	G207	Tự luận
291	22ĐHXD01	011100116301	25		Hình họa vẽ kỹ thuật F2	2	24/04/2023	14:30	G202	Thực hành
292	22ĐHKV01	010100017701	60		Lý thuyết xác suất - thống kê	2	24/04/2023	14:30	G406	Trắc nghiệm
293	22ĐHNA01	010100092302	39	1-10	Nghe - Nói 2	2	24/04/2023	14:30	G303	Vấn đáp
294	22ĐHNA01	010100092302	39	11-20	Nghe - Nói 2	2	24/04/2023	14:30	G204	Vấn đáp
295	22ĐHNA01	010100092302	39	21-30	Nghe - Nói 2	2	24/04/2023	14:30	G608	Vấn đáp
296	22ĐHNA01	010100092302	39	31-39	Nghe - Nói 2	2	24/04/2023	14:30	G609	Vấn đáp
297	22ĐHQT06	010100106124	29		Tiếng Anh 1	2	24/04/2023	16:30	G201	Trắc nghiệm
298	22ĐHDL01	010100106109	25		Tiếng Anh 1	2	24/04/2023	16:30	G203	Trắc nghiệm
299	22ĐHDL01	010100106104	27		Tiếng Anh 1	2	24/04/2023	16:30	G204	Trắc nghiệm
300	22ĐHKV03	010100106101	29		Tiếng Anh 1	2	24/04/2023	16:30	G202	Trắc nghiệm
301	22ĐHKV01	010100000102	25		Tổng quan về Hàng không dân dụng	2	24/04/2023	16:30	D02	Trắc nghiệm online
302	22ĐHTT03	010100106113	29		Tiếng Anh 1	2	24/04/2023	18:30	G202	Trắc nghiệm
303	22ĐHTT03	010100106117	30		Tiếng Anh 1	2	24/04/2023	18:30	G201	Trắc nghiệm
304	22ĐHKV03	010100000103	24		Tổng quan về Hàng không dân dụng	2	24/04/2023	18:30	D02	Trắc nghiệm online
305	GDCT	030100059001	1		Chính trị	3	25/04/2023	7:30	G207	Trắc nghiệm
306	22ĐHTT04	010100051006	35		Kiến trúc máy tính	3	25/04/2023	7:30	G303	Trắc nghiệm
307	22ĐHNA02	010100093304	40		Ngữ pháp 2	3	25/04/2023	7:30	G203	Trắc nghiệm
308	22ĐHNA02	010100093301	40		Ngữ pháp 2	3	25/04/2023	7:30	G204	Trắc nghiệm
309	22ĐHNL02	010100010710	55		Nguyên lý kế toán	3	25/04/2023	7:30	G305	Trắc nghiệm
310	22CĐTM01	030100001303	47		Pháp luật hàng không	3	25/04/2023	7:30	G113	Trắc nghiệm
311	22ĐHXD01	011100116401	25		Sức bền vật liệu 1	3	25/04/2023	7:30	G301	Trắc nghiệm
312	22ĐHKT01	011100106107	27		Tiếng Anh 1	3	25/04/2023	7:30	G202	Trắc nghiệm
313	22ĐHKT01	011100106105	19		Tiếng Anh 1	3	25/04/2023	7:30	G201	Trắc nghiệm
314	22ĐHQT07	010100000110	19		Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	25/04/2023	7:30	D02	Trắc nghiệm online
315	22ĐHNA01	010100092802	40		Đọc - Viết 2	3	25/04/2023	9:30	G303	Tự luận
316	22ĐHTT03	010100051003	59	29-57	Kiến trúc máy tính	3	25/04/2023	9:30	G302	Trắc nghiệm
317	22ĐHTT03	010100051003	59	1-28	Kiến trúc máy tính	3	25/04/2023	9:30	G301	Trắc nghiệm
318	22ĐHNL02	010100008209	49		Quản trị nhân lực	3	25/04/2023	9:30	G113	Tự luận
319	22ĐHNL01	010100008210	56		Quản trị nhân lực	3	25/04/2023	9:30	G305	Tự luận
320	22CĐTM01	030100060502	51		Tàu bay	3	25/04/2023	9:30	G205	Tự luận
321	21CĐCK01	030100000102	26		Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	25/04/2023	9:30	D02	Trắc nghiệm online
322	22ĐHKT02	011100009504	55		Kỹ thuật lập trình	3	25/04/2023	12:30	G305	Trắc nghiệm
323	22ĐHTĐ01	011100088502	54		Máy điện	3	25/04/2023	12:30	G205	Trắc nghiệm
324	22ĐHNA02	010100092303	40	1-10	Nghe - Nói 2	3	25/04/2023	12:30	G603	Vấn đáp
325	22ĐHNA02	010100092303	40	11-20	Nghe - Nói 2	3	25/04/2023	12:30	G504	Vấn đáp
326	22ĐHNA02	010100092303	40	21-30	Nghe - Nói 2	3	25/04/2023	12:30	G608	Vấn đáp
327	22ĐHNA02	010100092304	40	1-10	Nghe - Nói 2	3	25/04/2023	12:30	G601	Vấn đáp
328	22ĐHNA02	010100092304	40	11-20	Nghe - Nói 2	3	25/04/2023	12:30	G604	Vấn đáp
329	22ĐHNA02	010100092304	40	21-30	Nghe - Nói 2	3	25/04/2023	12:30	G605	Vấn đáp
330	22ĐHNA02	010100092303	40	31-40	Nghe - Nói 2	3	25/04/2023	12:30	G609	Vấn đáp

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
331	22ĐHNA02	010100092304	40	31-40	Nghe - Nói 2	3	25/04/2023	12:30	G602	Vấn đáp
332	22ĐHKL01	011100002401	45		Hình họa & vẽ kỹ thuật	3	25/04/2023	14:30	G303	Tự luận
333	22ĐHĐT01	011100019902	49		Đo lường điện tử	3	25/04/2023	14:30	G203	Tự luận
334	22ĐHKL02	011100002402	68		Hình họa & vẽ kỹ thuật	3	25/04/2023	14:30	G305	Tự luận
335	22ĐHNL01	010100010709	55		Nguyên lý kế toán	3	25/04/2023	14:30	G205	Trắc nghiệm
336	22ĐHKT02	011100106106	26		Tiếng Anh 1	3	25/04/2023	14:30	G204	Trắc nghiệm
337	22ĐHTĐ01	011100008701	48		Toán chuyên đề	3	25/04/2023	14:30	G207	Trắc nghiệm
338	21ĐHNA01	010100144901	5		Ngoại ngữ 2: Pháp văn 3	3	25/04/2023	16:30	G201	Tự luận
339	21CĐTM01	030100030301	43		Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	3	25/04/2023	16:30	G203	Tự luận
340	21CĐTM02	030100030302	30		Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	3	25/04/2023	16:30	G207	Tự luận
341	21CĐTM03	030100030303	50		Phục vụ hành khách tại cảng hàng không , sân bay	3	25/04/2023	16:30	G113	Tự luận
342	22ĐHXD01	011100106101	20		Tiếng Anh 1	3	25/04/2023	16:30	G202	Trắc nghiệm
343	22ĐHTT06	010100106116	24		Tiếng Anh 1	3	25/04/2023	16:30	G204	Trắc nghiệm
344	22ĐHQT01	010100000105	51	1-25	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	25/04/2023	16:30	D02	Trắc nghiệm online
345	22ĐHQT01	010100000105	51	26-49	Tổng quan về Hàng không dân dụng	3	25/04/2023	18:30	D02	Trắc nghiệm online
346	22CĐAN01	030100101701	31		An toàn hàng không, an toàn sân đỗ	4	26/04/2023	7:30	G304	Tự luận
347	22CĐTM01	030100060402	44		An toàn sân đỗ	4	26/04/2023	7:30	G204	Tự luận
348	22CĐTM02	030100060403	49		An toàn sân đỗ	4	26/04/2023	7:30	G203	Tự luận
349	22ĐHĐT01	011100089101	53	1-25	Cảm biến	4	26/04/2023	7:30	G201	Trắc nghiệm
350	22ĐHĐT02	011100089102	36		Cảm biến	4	26/04/2023	7:30	G303	Trắc nghiệm
351	22ĐHĐT01	011100089101	53	26-52	Cảm biến	4	26/04/2023	7:30	G202	Trắc nghiệm
352	19ĐHQTDL	010100021602	58		Kỹ năng tổ chức hội nghị và sự kiện	4	26/04/2023	7:30	G406	Tự luận
353	22ĐHKL02	011100001302	57		Pháp luật hàng không	4	26/04/2023	7:30	G205	Trắc nghiệm
354	22CĐCK01	030100060101	31		Pháp luật hàng không	4	26/04/2023	7:30	G207	Trắc nghiệm
355	22ĐHQT07	010100106125	32		Tiếng Anh 1	4	26/04/2023	7:30	G609	Trắc nghiệm
356	22ĐHNA02	010100091902	57		Tiếng Việt thực hành	4	26/04/2023	7:30	G305	Tự luận
357	22ĐHKT01	011100008702	55		Toán chuyên đề	4	26/04/2023	7:30	G113	Trắc nghiệm
358	22CĐTM01	030100060201	50		An ninh hàng không	4	26/04/2023	9:30	G113	Trắc nghiệm
359	22CĐTM02	030100060202	43		An ninh hàng không	4	26/04/2023	9:30	G204	Trắc nghiệm
360	22CĐCK01	030100062001	25		Cơ học thủy khí	4	26/04/2023	9:30	G303	Tự luận
361	22ĐHKL01	011100065901	118		Cơ học và tính năng tàu bay	4	26/04/2023	9:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
362	22CĐAN01	030100060801	33		Công tác an ninh hàng không	4	26/04/2023	9:30	G207	Trắc nghiệm
363	22ĐHTT02	010100008702	58		Toán chuyên đề	4	26/04/2023	9:30	G205	Trắc nghiệm
364	22ĐHTT05	010100008705	58		Toán chuyên đề	4	26/04/2023	9:30	G305	Trắc nghiệm
365	22CĐAN01	030100024301	32		Bảo vệ hiện trường	4	26/04/2023	12:30	G408	Tự luận
366	22ĐHDL01	010100021001	61	1-29	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	26/04/2023	12:30	G302	Tự luận
367	22ĐHDL02	010100021002	23		Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	26/04/2023	12:30	G201	Tự luận
368	22ĐHDL01	010100021001	61	30-58	Cơ sở văn hóa Việt Nam	4	26/04/2023	12:30	G307	Tự luận
369	22CĐTM02	030100060601	47		Công tác khẩn nguy và phòng chống cháy nổ tại Cảng hàng không sân bay	4	26/04/2023	12:30	G304	Tự luận
370	22CĐTM01	030100060602	47		Công tác khẩn nguy và phòng chống cháy nổ tại Cảng hàng không sân bay	4	26/04/2023	12:30	G207	Tự luận
371	22ĐHĐT01	011100010103	48		Điện tử số	4	26/04/2023	12:30	G203	Tự luận
372	22ĐHĐT02	011100010104	36		Điện tử số	4	26/04/2023	12:30	G407	Tự luận
373	22ĐHKT01	011100009503	51		Kỹ thuật lập trình	4	26/04/2023	12:30	G305	Trắc nghiệm
374	22ĐHTĐ02	011100088501	47		Máy điện	4	26/04/2023	12:30	G303	Trắc nghiệm
375	22ĐHKL01	011100001301	64		Pháp luật hàng không	4	26/04/2023	12:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
376	22CĐKL01	030100031401	28		Quy tắc bay	4	26/04/2023	12:30	G202	Trắc nghiệm
377	22ĐHNL02	010100000602	54		Tâm lý học đại cương	4	26/04/2023	12:30	G205	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
378	21ĐHĐT02	011100106103	39		Tiếng Anh 1	4	26/04/2023	12:30	G608	Trắc nghiệm
379	22ĐHNA01	010100091901	41		Tiếng Việt thực hành	4	26/04/2023	12:30	G406	Tự luận
380	22CĐKL01	030100032301	26		Đ dẫn đường hàng không	4	26/04/2023	14:30	G202	Trắc nghiệm
381	22ĐHDL01	010100022402	71		Kinh tế du lịch	4	26/04/2023	14:30	G204	Trắc nghiệm
382	19ĐHQTDL	010100063602	61		Kỹ năng hoạt náo du lịch	4	26/04/2023	14:30	G205	Tự luận
383	21ĐHĐT01	011100106104	26		Tiếng Anh 1	4	26/04/2023	14:30	G303	Trắc nghiệm
384	21ĐHĐT01	011100106102	40		Tiếng Anh 1	4	26/04/2023	14:30	G113	Trắc nghiệm
385	22ĐHQT05	010100010507	108		Kinh tế vĩ mô	4	26/04/2023	16:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
386	22ĐHQT07	010100106128	32		Tiếng Anh 1	4	26/04/2023	16:30	G203	Trắc nghiệm
387	22ĐHTT06	010100008706	50		Toán chuyên đề	4	26/04/2023	16:30	G113	Trắc nghiệm
388	22ĐHTT04	010100008704	31		Toán chuyên đề	4	26/04/2023	16:30	G204	Trắc nghiệm
389	22ĐHTĐ02	011100008704	54		Toán chuyên đề	4	26/04/2023	16:30	G305	Trắc nghiệm
390	22CĐKL01	030100062801	30		Động cơ và hệ thống tàu bay	5	27/04/2023	7:30	G201	Tự luận
391	22ĐHQT01	010100106129	34		Tiếng Anh 1	5	27/04/2023	7:30	G113	Trắc nghiệm
392	22ĐHQT04	010100106130	33		Tiếng Anh 1	5	27/04/2023	7:30	G203	Trắc nghiệm
393	22ĐHQT01	010100106119	25		Tiếng Anh 1	5	27/04/2023	7:30	G202	Trắc nghiệm
394	22ĐHKT02	011100008703	55		Toán chuyên đề	5	27/04/2023	7:30	G205	Trắc nghiệm
395	22CĐKL01	030100059901	32		Khí động lực học cơ bản	5	27/04/2023	9:30	G203	Trắc nghiệm
396	22ĐHNA03	010100093303	36		Ngữ pháp 2	5	27/04/2023	9:30	G113	Trắc nghiệm
397	22ĐHTT01	010100000306	195		Pháp luật đại cương	5	27/04/2023	12:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
398	22ĐHNL01	010100000601	55		Tâm lý học đại cương	5	27/04/2023	12:30	G305	Trắc nghiệm
399	22ĐHXD01	011100115001	25		Trắc địa đại cương	5	27/04/2023	12:30	G204	Trắc nghiệm
400	22ĐHKV02	010100109303	44		Địa lý vận tải	5	27/04/2023	14:30	G113	Tự luận
401	22ĐHNA01	010100102001	21		Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	5	27/04/2023	14:30	G204	Tự luận
402	22ĐHXD01	011100114901	25		Vật liệu xây dựng 1	5	27/04/2023	14:30	G203	Trắc nghiệm
403	22ĐHĐT02	011100106108	27		Tiếng Anh 1	5	27/04/2023	16:30	G201	Trắc nghiệm
404	22ĐHĐT01	011100106109	36		Tiếng Anh 1	5	27/04/2023	16:30	G113	Trắc nghiệm
405	22ĐHKL02	011100106111	22		Tiếng Anh 1	5	27/04/2023	16:30	G202	Trắc nghiệm
406	22ĐHNL02	010100106102	33		Tiếng Anh 1	5	27/04/2023	16:30	G204	Trắc nghiệm
407	22ĐHNL02	010100106108	32		Tiếng Anh 1	5	27/04/2023	16:30	G203	Trắc nghiệm
408	22ĐHKV03	010100109301	60		Địa lý vận tải	5	27/04/2023	18:30	G305	Tự luận
409	22ĐHKV01	010100109302	60		Địa lý vận tải	5	27/04/2023	18:30	G205	Tự luận
410	22ĐHNL01	010100106105	28		Tiếng Anh 1	5	27/04/2023	18:30	G201	Trắc nghiệm
411	22ĐHQT03	010100106121	24		Tiếng Anh 1	5	27/04/2023	18:30	G204	Trắc nghiệm
412	22CĐAN01	030100061001	32		Hàng hóa nguy hiểm	6	28/04/2023	7:30	G207	Trắc nghiệm
413	22ĐHTĐ02	011100009301	48		Lý thuyết mạch 2	6	28/04/2023	7:30	G204	Tự luận
414	22ĐHNA01	010100102002	33		Ngoại ngữ 2 - Tiếng Hàn 1	6	28/04/2023	7:30	G304	Tự luận
415	22CĐCK01	030100061901	44		Sức bền vật liệu	6	28/04/2023	7:30	G203	Tự luận
416	22ĐHTT01	010100008701	60		Toán chuyên đề	6	28/04/2023	7:30	G205	Trắc nghiệm
417	22CĐTM02	030100064402	47		Vé hành khách và hành lý	6	28/04/2023	7:30	G113	Tự luận
418	22CĐAN01	030100132001	32		Kỹ năng giao tiếp và văn hóa an ninh hàng không	6	28/04/2023	9:30	G407	Tự luận
419	22ĐHTĐ02	011100009602	39		Mạch điện tử 1	6	28/04/2023	9:30	G113	Tự luận
420	22ĐHDL02	010100106103	37		Tiếng Anh 1	6	28/04/2023	9:30	G203	Trắc nghiệm
421	22ĐHNA03	010100091903	59		Tiếng Việt thực hành	6	28/04/2023	9:30	G305	Tự luận
422	22ĐHKV02	010100017702	59		Lý thuyết xác suất - thống kê	6	28/04/2023	12:30	G205	Trắc nghiệm
423	22CĐCK01	030100102801	31		Thuật ngữ chuyên ngành KTHK 1	6	28/04/2023	12:30	G203	Trắc nghiệm
424	22ĐHTT03	010100008703	60		Toán chuyên đề	6	28/04/2023	12:30	G305	Trắc nghiệm
425	22ĐHQT03	010100010512	104		Kinh tế vĩ mô	6	28/04/2023	14:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
426	22CĐTM02	030100060503	38		Tàu bay	6	28/04/2023	14:30	G113	Tự luận

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
427	22ĐHNA01	010100093302	40		Ngữ pháp 2	2	28/04/2023	14:30	G205	Trắc nghiệm
428	22ĐHĐT01	011100024403	109		Chủ nghĩa xã hội khoa học	6	28/04/2023	16:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
429	22ĐHQT07	010100012407	52		Dẫn luận phương pháp khoa học	6	28/04/2023	16:30	G205	Tự luận
430	22ĐHTT05	010100106115	31		Tiếng Anh 1	6	28/04/2023	18:30	G304	Trắc nghiệm
431	22ĐHTT05	010100106127	31		Tiếng Anh 1	6	28/04/2023	18:30	G608	Trắc nghiệm
432	22ĐHQT03	010100010701	52		Nguyên lý kế toán	5	04/05/2023	7:30	G205	Trắc nghiệm
433	22ĐHQT02	010100010702	52		Nguyên lý kế toán	5	04/05/2023	7:30	G406	Trắc nghiệm
434	22ĐHQT01	010100010703	32		Nguyên lý kế toán	5	04/05/2023	7:30	G308	Trắc nghiệm
435	22ĐHQT04	010100010704	52		Nguyên lý kế toán	5	04/05/2023	7:30	G305	Trắc nghiệm
436	21CĐTM01	030100052101	45		Quy định vận chuyển hàng hóa cơ bản	5	04/05/2023	7:30	G113	Tự luận
437	21CĐTM02	030100052102	40		Quy định vận chuyển hàng hóa cơ bản	5	04/05/2023	7:30	G203	Tự luận
438	21CĐTM03	030100052103	33		Quy định vận chuyển hàng hóa cơ bản	5	04/05/2023	7:30	G507	Tự luận
439	22CĐCK01	030100059401	27		Tin học	5	04/05/2023	9:30	D02	Thực hành
440	22CĐAN01	030100060901	33		Vận chuyển hàng không	5	04/05/2023	9:30	G203	Trắc nghiệm
441	22ĐHTT04	010100000302	115		Pháp luật đại cương	5	04/05/2023	12:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
442	22CĐCK01	030100059701	29		Tiếng Anh	5	04/05/2023	12:30	G201	Trắc nghiệm
443	22ĐHQT01	010100074711	199	1-64	Kinh tế chính trị Mác Lênin	5	04/05/2023	14:30	G205	Trắc nghiệm
444	22ĐHQT05	010100074714	199		Kinh tế chính trị Mác Lênin	5	04/05/2023	14:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
445	22ĐHQT01	010100074711	199	65-128	Kinh tế chính trị Mác Lênin	5	04/05/2023	14:30	G406	Trắc nghiệm
446	22ĐHQT01	010100074711	199	129-194	Kinh tế chính trị Mác Lênin	5	04/05/2023	14:30	G305	Trắc nghiệm
447	22CĐAN01	030100060501	46		Tàu bay	5	04/05/2023	14:30	G203	Tự luận
448	22ĐHDL01	010100010503	101		Kinh tế vĩ mô	5	04/05/2023	16:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
449	22ĐHQT07	010100010506	43		Kinh tế vĩ mô	5	04/05/2023	16:30	G113	Trắc nghiệm
450	22ĐHKV01	010100074706	198		Kinh tế chính trị Mác Lênin	7	04/05/2023	18:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
451	22ĐHQT04	010100012404	52		Dẫn luận phương pháp khoa học	6	05/05/2023	7:30	G205	Tự luận
452	22CĐKL01	030100099601	26		Thuật ngữ sử dụng trong hoạt động KSKL 1	6	05/05/2023	7:30	G304	Trắc nghiệm
453	22ĐHKT01	011100000102	81	1-39	Tổng quan về Hàng không dân dụng	6	05/05/2023	7:30	D02	Trắc nghiệm online
454	22ĐHQT05	010100012405	53		Dẫn luận phương pháp khoa học	6	05/05/2023	9:30	G406	Tự luận
455	22ĐHKT01	011100000102	81	40-77	Tổng quan về Hàng không dân dụng	6	05/05/2023	9:30	D02	Trắc nghiệm online
456	22ĐHDL01	010100074719	199	1-63	Kinh tế chính trị Mác Lênin	6	05/05/2023	12:30	G205	Trắc nghiệm
457	22ĐHDL01	010100074719	199	127-191	Kinh tế chính trị Mác Lênin	6	05/05/2023	12:30	G406	Trắc nghiệm
458	22ĐHDL01	010100074719	199	64-126	Kinh tế chính trị Mác Lênin	6	05/05/2023	12:30	G305	Trắc nghiệm
459	22ĐHTT01	010100074705	191		Kinh tế chính trị Mác Lênin	6	05/05/2023	12:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
460	22CĐKL01	030100000101	31		Tổng quan về Hàng không dân dụng	6	05/05/2023	12:30	D02	Trắc nghiệm online
461	22ĐHTT05	010100074702	201		Kinh tế chính trị Mác Lênin	6	05/05/2023	14:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
462	22ĐHKL01	011100074702	199	1-65	Kinh tế chính trị Mác Lênin	6	05/05/2023	14:30	G205	Trắc nghiệm
463	22ĐHKL01	011100074702	199	66-130	Kinh tế chính trị Mác Lênin	6	05/05/2023	14:30	G305	Trắc nghiệm
464	22ĐHKL01	011100074702	199	131-197	Kinh tế chính trị Mác Lênin	6	05/05/2023	14:30	G406	Trắc nghiệm
465	22CĐTM02	030100059801	64	1-32	Tổng quan về hàng không dân dụng	6	05/05/2023	14:30	D02	Trắc nghiệm online
466	22ĐHQT06	010100012406	34		Dẫn luận phương pháp khoa học	6	05/05/2023	16:30	G407	Tự luận
467	22ĐHQT01	010100012401	55		Dẫn luận phương pháp khoa học	6	05/05/2023	16:30	G406	Tự luận
468	22CĐTM02	030100059801	64	33-65	Tổng quan về hàng không dân dụng	6	05/05/2023	16:30	D02	Trắc nghiệm online
469	22ĐHKV02	010100106110	28		Tiếng Anh 1	6	05/05/2023	18:30	G201	Trắc nghiệm
470	22ĐHKV02	010100106107	26		Tiếng Anh 1	6	05/05/2023	18:30	G202	Trắc nghiệm
471	22ĐHDL01	010100000112	114	1-36	Tổng quan về Hàng không dân dụng	7	06/05/2023	7:30	D02	Trắc nghiệm online
472	22ĐHTT05	010100096605	60		Lập trình cơ bản	7	06/05/2023	9:30	G304	Trắc nghiệm
473	22ĐHTT06	010100096606	60	1-30	Lập trình cơ bản	7	06/05/2023	9:30	G202	Trắc nghiệm
474	22ĐHTT01	010100096601	59		Lập trình cơ bản	7	06/05/2023	9:30	G205	Trắc nghiệm
475	22ĐHTT02	010100096603	60		Lập trình cơ bản	7	06/05/2023	9:30	G113	Trắc nghiệm

STT	Lớp học	Mã LHP	Sĩ số	Từ số thứ tự	Môn thi	Thứ	Ngày thi	Giờ thi	Phòng thi	Ghi chú
476	22ĐHTT06	010100096606	60	31-60	Lập trình cơ bản	7	06/05/2023	9:30	G302	Trắc nghiệm
477	22ĐHTT04	010100096604	49		Lập trình cơ bản	7	06/05/2023	9:30	G303	Trắc nghiệm
478	22ĐHTT03	010100096602	32		Lập trình cơ bản	7	06/05/2023	9:30	G608	Trắc nghiệm
479	22ĐHQT02	010100012402	52		Dẫn luận phương pháp khoa học	7	06/05/2023	9:30	G406	Tự luận
480	22ĐHQT03	010100012403	52		Dẫn luận phương pháp khoa học	7	06/05/2023	9:30	G305	Tự luận
481	22ĐHDL01	010100000112	114	37-72	Tổng quan về Hàng không dân dụng	7	06/05/2023	9:30	D02	Trắc nghiệm online
482	22ĐHDL01	010100000112	114	73-108	Tổng quan về Hàng không dân dụng	7	06/05/2023	12:30	D02	Trắc nghiệm online
483	22ĐHNA01	010100074603	161	78-154	Triết học Mác Lênin	7	06/05/2023	12:30	G205	Trắc nghiệm
484	22ĐHNA01	010100074603	161	1-77	Triết học Mác Lênin	7	06/05/2023	12:30	G305	Trắc nghiệm
485	22ĐHQT06	010100010705	52		Nguyên lý kế toán	7	06/05/2023	14:30	G205	Trắc nghiệm
486	22ĐHQT05	010100010706	53		Nguyên lý kế toán	7	06/05/2023	14:30	G406	Trắc nghiệm
487	22ĐHQT03	010100000106	40		Tổng quan về Hàng không dân dụng	7	06/05/2023	14:30	D02	Trắc nghiệm online
488	22ĐHQT01	010100010510	119		Kinh tế vĩ mô	7	06/05/2023	16:30	Hội trường F100	Trắc nghiệm
489	22ĐHNL02	010100010501	104	1-52	Kinh tế vĩ mô	7	06/05/2023	16:30	G305	Trắc nghiệm
490	22ĐHNL02	010100010501	104	53-104	Kinh tế vĩ mô	7	06/05/2023	16:30	G205	Trắc nghiệm
491	22ĐHTT04	010100106114	26		Tiếng Anh 1	7	06/05/2023	16:30	G203	Trắc nghiệm

Lập bảng



Dương Gia Bảo

Tp. HCM, ngày 20 tháng 03 năm 2023

PHÒNG ĐÀO TẠO



Cổ Tấn Anh Vũ